

Bản án số: 58/2021/HS-ST
Ngày 20-4-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đăng Khoa

Ông Đỗ Huy Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyệt Minh - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 35/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2021 và Thông báo về việc thay đổi lịch phiên tòa số 201/2021/TB-TA ngày 14 tháng 4 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Viết H**, sinh ngày 20 tháng 8 năm 1998; nơi sinh: Hà Nội. Nơi cư trú: Xóm 9, thôn DX, xã HN, huyện UH, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Viết B và bà Lê Thị Ngọc M; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 30 tháng 7 năm 2020 đến ngày 04 tháng 8 năm 2020 chuyển tạm giam đến nay. Có mặt.

2. **Lê Đăng Đ**, sinh ngày 26 tháng 01 năm 1998; nơi sinh: Hà Nội. Nơi cư trú: Thôn AP, xã HPh, huyện UH, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đăng V và bà Hoàng Thị H1; có vợ là Cà Thị H2 và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 18 tháng 7 năm 2020 đến ngày 27 tháng 7 năm 2020 chuyển tạm giam đến nay. Có mặt.

3. **Nguyễn Thanh T**, sinh ngày 22 tháng 6 năm 1999; nơi sinh: Hà Nội.

Nơi cư trú: Thôn PLT, xã PL, huyện UH, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân A (đã chết) và bà Nguyễn Thị Hạnh; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 31 tháng 7 năm 2020 đến ngày 04 tháng 8 năm 2020 chuyển tạm giam đến nay. Có mặt.

4. **Đặng Tuấn Ngh**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1998; nơi sinh: Hà Nội. Nơi cư trú: Thôn NX, xã VT, huyện UH, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn Đ và bà Nguyễn Thị S; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 18 tháng 7 năm 2020 đến ngày 27 tháng 7 năm 2020 chuyển tạm giam đến nay. Có mặt.

5. **Nguyễn Tất Q**, sinh ngày 07 tháng 8 năm 1996; nơi sinh: Hà Nội. Nơi cư trú: Thôn ĐG, xã HPh, huyện UH, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tất Ch và bà Nguyễn Thị Nh; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 18 tháng 7 năm 2020 đến ngày 27 tháng 7 năm 2020 chuyển tạm giam đến nay. Có mặt.

6. **Trịnh Quang Đ1**, sinh ngày 07 tháng 5 năm 2000; nơi sinh: Hà Nội. Nơi cư trú: Thôn DX, xã HN, huyện UH, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Xuân Đ2 và bà Nguyễn Thị L; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 18 tháng 7 năm 2020 đến ngày 27 tháng 7 năm 2020 chuyển tạm giam đến nay. Có mặt.

- *Bị hại*: Chị Nguyễn Thị H4, sinh năm 1987; nơi cư trú: Số 34/666 Vĩnh Tiến, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Bà Lê Thị Ngọc M, sinh năm 1980; nơi cư trú: Xóm 9, thôn DX, xã HN, huyện UH, thành phố Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 02 năm 2020, Nguyễn Viết H và Nguyễn Thanh T bàn bạc với nhau dùng thủ đoạn giả danh là nhân viên Công ty Xổ số, biết trước kết quả xổ số để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của người có nhu cầu mua số thông qua mạng xã hội Zalo, Facebook. Thực hiện ý định trên, Nguyễn Viết H đi thuê căn hộ tại phòng 7 tầng 30, chung cư SeasonsAvenue, phường Mỗ Lao, quận Hà

Đông, thành phố Hà Nội, mua điện thoại di động, sim điện thoại, thông qua mạng xã hội mua tài khoản tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu (ACB) thẻ ATM mang tên “*Nguyễn Thị Nhung*”. Sau đó, H tạo, lập tài khoản trên mạng xã hội Zalo, Facebook (trong đó có tài khoản Zalo mang tên “*Xổ số Đại Phát*”) chỉ đạo, hướng dẫn cho T cách giao dịch với người có nhu cầu mua số, cách yêu cầu người mua số chuyển tiền và là người quản lý tiền lừa đảo được để chi tiêu chung. T có nhiệm vụ đăng bài quảng cáo bán số lên Zalo, Facebook, giao dịch với người có nhu cầu mua số, yêu cầu chuyển tiền và quản lý thẻ ATM để đi rút tiền. H thỏa thuận với T về hình thức ăn chia tiền chiếm đoạt được như sau: Chi vào việc ăn ở, sinh hoạt hàng ngày, thuê nhà cho T, hàng tháng H trả công cho T từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

Lê Đăng Đ có quan hệ bạn bè với Nguyễn Viết H và biết việc H đang giả danh là nhân viên của các Công ty Xổ số kiến thiết để lừa đảo chiếm đoạt tiền của người có nhu cầu mua số thông qua mạng xã hội Zalo, Facebook nên Lê Đăng Đ đã bàn bạc cùng với Nguyễn Tất Q, Đặng Tuấn Ngh và Trịnh Quang Đ1 cùng nhau giả danh là thành viên Công ty Xổ số để lừa đảo chiếm đoạt tiền của người có nhu cầu mua số, cả bốn đồng ý. Để thực hiện ý đồ đó, khoảng giữa tháng 6 năm 2020 Q đứng tên thuê trọ tại nhà số 31/233 Chiến Thắng, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Tại đây, cả nhóm đi mua điện thoại di động, thẻ sim, máy vi tính, máy in, thông qua mạng xã hội thuê số điện thoại di động, mua tài khoản ngân hàng, thẻ ATM mang tên “*Phạm Ngọc Linh*” ... về lắp đặt rồi tạo, lập tài khoản trên mạng xã hội Zalo, Facebook (trong đó có tài khoản Zalo mang tên “*Xổ số kiến thiết thủ đô*”). Đ, Ngh và Q có nhiệm vụ đăng bài bán số lên mạng Facebook, nói chuyện với người có nhu cầu mua số để yêu cầu chuyển tiền, Đ1 có nhiệm vụ đăng bài, tạo các hình ảnh về Hồ sơ nhận số, Quyết định cấp số, quản lý các thẻ tài khoản ngân hàng nhận tiền của người có nhu cầu mua số sau đó đi rút tiền về đưa cho Đ quản lý để chi tiêu chung cho cả nhóm. Đ sử dụng Iphone X có lắp sim 0585339999 để nói chuyện với bị hại và sử dụng điện thoại cá nhân để đăng bài. Để tạo lòng tin, Đ còn lên mạng đặt mua con dấu “HỘI ĐỒNG XỔ SỐ MINH NGỌC”, “ĐÃ KIỂM ĐỊNH”... để đóng dấu đỏ lên Hồ sơ nhận số, Quyết định, tạo 02 hình ảnh Căn cước công dân mang tên Nguyễn Thành Luân và thẻ thành viên “XỔ SỐ KIẾN THIẾT MIỀN BẮC” mang tên Nguyễn Thành Luân, là “chuyên viên cấp số” nhằm mục đích gửi cho người có nhu cầu mua số để tạo lòng tin. Về phương thức, thủ đoạn lừa đảo chiếm đoạt tiền của người có nhu cầu mua kết quả Xổ số được thực hiện khi tài khoản của người có nhu cầu mua kết quả Xổ số kết bạn vào một trong các tài khoản do nhóm của Đ tạo ra thì nhắn tin, trao đổi trực tiếp trên Zalo cho người đó yêu cầu cung cấp thông tin, lập hồ sơ và cho số bất kỳ, nếu kết quả Xổ số hôm đó trúng vào số đó thì tiếp tục yêu cầu người mua số chuyển tiền hoặc dùng tài khoản khác để liên lạc giả vờ là người có chức vụ, quyền hạn trong Công ty Xổ số cung cấp số chính xác hơn để yêu cầu người mua số

chuyển tiền, nếu kết quả Xổ số ngày hôm đó không trùng với số đó thì chặn số của người mua số để không bị phát hiện hành vi lừa đảo.

Ngày 28 tháng 6 năm 2020, tài khoản Zalo có tên “Nguyen Hong” của chị Nguyễn Thị H4 kết bạn với tài khoản Zalo tên “Xổ số đại phát” đăng ký bằng số điện thoại 0385259232 của nhóm H để hỏi mua kết quả xổ số miền Bắc. T sử dụng tài khoản Zalo trên giới thiệu mình là nhân viên Công ty xổ số có thể biết trước kết quả xổ số và yêu cầu chị H4 chuyển khoản phí để nhận số vào tài khoản ngân hàng ACB mang tên “Nguyen Thi Nhung”. Chị H4 đồng ý và chuyển vào tài khoản trên số tiền 15.000.000 đồng để mua số. Sau đó, T điện thoại cho H để tìm cách lừa tiếp Chị H4, H đã chuyển thông tin của chị H4 và số điện thoại 0877729999 (do H mua trên mạng internet để làm số hotline) cho nhóm Ngh và Đ để cùng thực hiện lừa đảo tiền của chị H4. H chỉ đạo T sử dụng Zalo “Xổ số đại phát” nói chuyện qua tài khoản Zalo “Nguyen Hong” với chị H4, dặn chú ý máy điện thoại sẽ có người gọi điện để tư vấn, hướng dẫn. Sau đó, nhóm của Ngh gọi điện thoại ‘tư vấn’, yêu cầu chị H4 chuyển tiền, T gọi điện, nhắn tin qua Zalo với chị H4 và yêu cầu chị H4 làm theo yêu cầu của nhóm Ngh. Cuối mỗi ngày, T đi rút tiền và thông báo tình hình công việc với H. Cụ thể: Ngày 28 tháng 6 năm 2020, chị H4 chuyển vào tài khoản ngân hàng ACB mang tên Nhung số tiền là 15.000.000 đồng, ngày 29 tháng 6 năm 2020, chị H4 chuyển 90.000.000 đồng, T cho chị H4 số 82 (do T tự nghĩ ra), kết quả Xổ số miền Bắc ngày 29 tháng 6 năm 2020, giải nhất có 2 số cuối là 82. Ngày 30 tháng 6 năm 2020, chị H4 chuyển vào tài khoản trên số tiền 77.000.000 đồng, T cho số 05 nhưng kết quả không có. Ngày 02 tháng 7 năm 2020 nhóm của Đ – Ngh tiếp tục gọi điện yêu cầu chị H4 chuyển tiền, chị H4 chuyển 50.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng Techcombank mang tên “Phạm Ngọc Linh” của nhóm Ngh, sau khi nhận được tiền, nhóm Ngh đã dùng internetbanking chuyển đến tài khoản của nhóm H số tiền trên. Tổng số tiền nhóm H và nhóm Ngh lừa đảo của Chị H4 là 232.000.000 đồng. Vào ngày 03 tháng 7 năm 2020, H có đưa 40.000.000 đồng cho T để chuyển số tiền này cho Ngh. Sau đó, H cũng mua 01 cây vàng (trị giá 49.600.000 đồng) chuyển trực tiếp cho Ngh. Tổng số tiền nhóm H nhận được là 143.000.000 đồng và nhóm của Ngh nhận được là 89.000.000 đồng từ số tiền chiếm đoạt được của chị H4.

Sau khi biết mình bị các đối tượng trên lừa đảo chiếm đoạt tiền của mình, ngày 08 tháng 7 năm 2020, chị H4 đã đến Cơ quan Công an trình báo và khai do tin tưởng các đối tượng là thành viên Công ty Xổ số nên đã chuyển tiền nhưng các đối tượng lại ra nhiều lý do và không cho chị số nào.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020, Lê Đăng Đ, Nguyễn Tất Q và ngày 18 tháng 7 năm 2020, Trịnh Quang Đ1 và Đặng Tuấn Ngh đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Hải Phòng đầu thú. Thu giữ của Đ1 01 điện thoại di động

Iphone 11 Pro, Q 01 điện thoại di động Iphone 6, Ngh 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro Max, Đ 03 điện thoại di động Iphone X, Iphone7, IphoneXs.

Sau khi biết thông tin hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị H4 đã bị Cơ quan Công an phát hiện bắt giữ nhóm của Ngh thì H đã tiêu hủy máy điện thoại và sim số dùng để lừa đảo chị H4. Ngày 31 tháng 7 năm 2020, Nguyễn Viết H bị bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, Nguyễn Thanh T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Hải Phòng đầu thú. Thu giữ của H 01 điện thoại di động Iphone 6, T giao nộp 01 điện thoại di động Iphone Xs max.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Đăng Đ, Nguyễn Tất Q, Trịnh Quang Đ1 và Đặng Tuấn Ngh tại nhà số 31/233 Chiến Thắng, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội thu giữ 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL, 02 CPU máy tính, 06 sim điện thoại Vietnammobile mới chưa sử dụng, 01 sim điện thoại Viettel mới chưa sử dụng, 02 sim điện thoại Vinaphone mới chưa sử dụng, 10 sim các loại đã qua sử dụng, 04 thẻ ATM, 02 USB, 01 máy in và 17.070.000 đồng.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Viết H và Nguyễn Thanh T tại căn hộ số G1.08.06 tòa G1 chung cư Green bay, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội thu giữ 01 sổ màu đen, 01 điện thoại di động Nokia, 01 hợp đồng thuê nhà, 03 kit điện thoại nhà mạng Viettel và 03 sim điện thoại.

Khám xét khẩn cấp nhà ở của Nguyễn Viết H tại xã HN, huyện UH, thành phố Hà Nội thu giữ 02 thẻ Techcombank, 01 thẻ thanh toán Plus đều mang tên Nguyễn Viết H.

Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Hải Phòng đã trưng cầu giám định dữ liệu điện tử trong điện thoại di động, máy tính, CPU đã thu giữ được của các đối tượng và thông qua khám xét khẩn cấp. Tại bản kết luận giám định số 210/KLGD ngày 26 tháng 8 năm 2020 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng kết luận: “...*Tìm thấy các cuộc gọi, các cuộc hội thoại bằng ứng dụng Messenger, các cuộc hội thoại bằng ứng dụng Zalo, các tập tin hình ảnh, tin nhắn, hội thoại iMessage, tin nhắn SMS, các ghi chú, các tập tin ghi âm thanh ... thể hiện việc giao dịch có liên quan đến vụ án*”.

Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Hải Phòng đã trưng cầu giám định phục hồi, trích xuất dữ liệu điện tử có liên quan đến vụ án. Tại bản kết luận giám định số 04/KLGD ngày 18 tháng 01 năm 2021 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng kết luận: “*Tìm thấy 227 cuộc gọi, 01 cuộc hội thoại tin nhắn có liên quan đến vụ án ...*”.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Hải Phòng, bị cáo Lê Đăng Đ, Nguyễn Tất Q, Đặng Tuấn Ngh, Trịnh Quang Đ1, Nguyễn Viết H và Nguyễn Thanh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nêu trên phù hợp với lời khai bị hại, lời khai người làm chứng, Kết luận giám định dữ liệu điện

tử, Sao kê tài khoản ngân hàng cùng với tài liệu chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, ngày 01 tháng 8 năm 2020, bà Lê Thị Ngọc M là mẹ đẻ của Nguyễn Viết H đã gặp bồi thường số tiền là 232.000.000 đồng (*Hai trăm ba mươi hai.000.000 đồng*) cho chị Nguyễn Thị H4 để khắc phục hậu quả cho Nguyễn Viết H và các đồng phạm. Sau khi nhận được số tiền trên, chị H4 đã đến Cơ quan điều tra và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số 41/CT-VKSHP-P3 ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố các bị cáo Lê Đăng Đ, Nguyễn Tất Q, Đặng Tuấn Ngh, Trịnh Quang Đ1, Nguyễn Viết H và Nguyễn Thanh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Đăng Đ, Nguyễn Tất Q, Đặng Tuấn Ngh, Trịnh Quang Đ1, Nguyễn Viết H và Nguyễn Thanh T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Bị hại chị Nguyễn Thị H4 vắng mặt, có quan điểm gửi Tòa án: Chị đã nhận của bà Lê Thị Ngọc M (là mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Viết H) đủ số tiền 232.000.000 đồng khắc phục hậu quả cho các bị cáo mà các bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt của chị. Do đó, chị H4 đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Viết H và các bị cáo khác trong vụ án để các bị cáo sớm trở về với xã hội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lê Thị Ngọc M yêu cầu các bị cáo Lê Đăng Đ, Nguyễn Tất Q, Đặng Tuấn Ngh, Trịnh Quang Đ1 có trách nhiệm trả lại cho bà số tiền 40.000.000 đồng tương ứng với trách nhiệm phải chịu do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Các bị cáo Lê Đăng Đ, Nguyễn Tất Q, Đặng Tuấn Ngh, Trịnh Quang Đ1 đồng ý mỗi bị cáo có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Ngọc M 10.000.000 đồng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu luận tội: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Viết H, Lê Đăng Đ, Nguyễn Thanh T, Đặng Tuấn Ngh, Nguyễn Tất Q, Trịnh Quang Đ1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với khai của bị hại, vật chứng thu giữ và phù hợp với Kết luận giám định, đủ căn cứ kết luận các bị cáo Nguyễn Viết H, Lê Đăng Đ, Nguyễn Thanh T, Đặng Tuấn Ngh, Nguyễn Tất Q, Trịnh Quang Đ1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ khả năng nhận thức về hành vi của mình, lợi dụng sự kém hiểu biết của bị hại để chiếm đoạt tài sản thu lợi bất chính. Do đó, lỗi của

các bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp. Về nhân thân của các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội. Trên cơ sở phân tích hành vi phạm tội của các bị cáo, khẳng định Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Cáo trạng số 41/CT-VKSHP-P3 ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Trên cơ sở phân tích, đánh giá về hành vi phạm tội, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 48, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Viết H từ 8 năm đến 9 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Đăng Đ từ 8 năm đến 9 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 7 năm đến 8 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Đặng Tuấn Ngh, Nguyễn Tất Q, Trịnh Quang Đ1 từ 6 năm đến 7 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Lê Đăng Đ, Đặng Tuấn Ngh, Nguyễn Tất Q, Trịnh Quang Đ1 mỗi bị cáo phải trả cho bà Lê Thị Ngọc M 10.000.000 đồng.

- Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- + Tịch thu, phát mại, sung quỹ Nhà nước các vật dụng dùng vào việc phạm tội: 03 điện thoại thu của Lê Đăng Đ, 02 CPU máy tính, 01 máy tính xách tay, 01 máy in, 2 USB.

- + Đối với số tiền 17.070.000 đồng là tiền của các bị cáo chiếm đoạt được từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

- + Tịch thu, tiêu hủy các vật dụng không còn giá trị sử dụng: Quyền sở màu đen, các sim điện thoại, kíp điện thoại, thẻ ATM sử dụng vào việc phạm tội.

- + Trả lại cho bị cáo Nguyễn Viết H 02 thẻ ngân hàng, 01 thẻ thanh toán Plus mang tên Nguyen Viet Hai không liên quan đến hành vi phạm tội.

+ Trả lại cho các bị cáo Nguyễn Viết H, Nguyễn Thanh T, cáo Lê Đăng Đ, Đặng Tuấn Ngh, Nguyễn Tất Q, Trịnh Quang Đ1 các điện thoại của các bị cáo không sử dụng vào mục đích phạm tội.

Tranh luận với Kiểm sát viên tại phiên tòa, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho các bị cáo các tài sản bị thu giữ của các bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội, cụ thể: Bị cáo Nguyễn Viết H đề nghị được trả lại chiếc điện thoại Iphone 6; bị cáo Nguyễn Thanh T đề nghị được trả lại chiếc điện thoại Iphone Xs max, màu hồng; bị cáo Lê Đăng Đ đề nghị được trả lại hai chiếc điện thoại là Iphone X và Iphone 7; bị cáo Trịnh Quang Đ1 đề nghị được trả lại chiếc điện thoại Iphone 11 Pro; bị cáo Đặng Tuấn Ngh đề nghị được trả lại chiếc điện thoại 11 Pro max; bị cáo Nguyễn Tất Q đề nghị được trả lại chiếc điện thoại Iphone 6 và chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Dell.

Các bị cáo đều nói lời sau cùng: Các bị cáo đều rất hối hận về hành vi phạm tội của mình và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại chị Nguyễn Thị H4 vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Về tội danh:

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Viết H, Lê Đăng Đ, Nguyễn Thanh T, Đặng Tuấn Ngh, Nguyễn Tất Q, Trịnh Quang Đ1 khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với vật chứng thu giữ, Kết luận giám định. Kết hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ xác định: Ngày 28 tháng 6 năm 2020, Nguyễn Viết H và Nguyễn Thanh T sử dụng mạng xã hội, giả danh nhân viên Công ty Xổ số, có thể

biết trước kết quả xổ số, lừa đảo chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị H4 sinh năm 1987, trú tại: Số 34/666 Vĩnh Tiến, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, số tiền 15.000.000 đồng. Từ ngày 28 tháng 6 năm 2020 đến ngày 02 tháng 7 năm 2020, Nguyễn Viết H và Nguyễn Thanh T cùng Lê Đăng Đ, Nguyễn Tất Q, Đặng Tuấn Ngh, Trịnh Quang Đ1, tiếp tục giả danh là thành viên các Công ty Xổ số, thông qua mạng xã hội Zalo, Facebook để lừa đảo chiếm đoạt của chị H4 nhiều lần với tổng số tiền là 217.000.000 đồng. Tổng số tiền đã chiếm đoạt của chị H4 là 232.000.000 đồng. Do đó, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Nguyễn Viết H, Lê Đăng Đ, Nguyễn Thanh T, Đặng Tuấn Ngh, Nguyễn Tất Q, Trịnh Quang Đ1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[4] Hành vi của các bị cáo Nguyễn Viết H, Nguyễn Thanh T đã chiếm đoạt của chị H4 số tiền 232.000.000 đồng, vi phạm tình tiết định khung “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng*”. Do đó, các bị cáo Nguyễn Viết H, Nguyễn Thanh T đều bị xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[5] Hành vi của các bị cáo Lê Đăng Đ, Đặng Tuấn Ngh, Nguyễn Tất Q, Trịnh Quang Đ1 đã chiếm đoạt của chị H4 số tiền 217.000.000 đồng, vi phạm tình tiết định khung “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng*”. Do đó, các bị cáo Lê Đăng Đ, Nguyễn Thanh T, Đặng Tuấn Ngh, Nguyễn Tất Q, Trịnh Quang Đ1 đều bị xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[6] Tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật và Nhà nước bảo vệ, làm ảnh hưởng đến uy tín của các công ty xổ số, gây mất trật tự trị an trong xã hội. Vì vậy, cần xét xử các bị cáo nghiêm khắc để răn đe, giáo dục các bị cáo cũng như đấu tranh phòng ngừa chung trong xã hội.

- Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

[7] Từ ngày 28 tháng 6 năm 2020 đến ngày 03 tháng 7 năm 2020, các bị cáo Nguyễn Viết H, Nguyễn Thanh T, Lê Đăng Đ, Nguyễn Thanh T, Đặng Tuấn Ngh, Nguyễn Tất Q, Trịnh Quang Đ1 đã nhiều lần nhắn tin, gọi điện yêu cầu chị H4 chuyển tiền, thực hiện hành vi lừa đảo, chiếm đoạt tiền của chị H4, cụ thể: Ngày 29 tháng 6 năm 2020, chị H4 chuyển 105.000.000 đồng; ngày 30 tháng 6 năm 2020, chị H4 chuyển 77.000.000 đồng; ngày 02 tháng 7 năm 2020, chị H4 chuyển 50.000.000 đồng. Do đó, các bị cáo Nguyễn Viết H, Nguyễn Thanh T, Lê Đăng Đ,

Nguyễn Thanh T, Đặng Tuấn Ngh, Nguyễn Tất Q, Trịnh Quang Đ1 đều phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 2 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[8] Từ khi bị phát hiện, bắt giữ và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Viết H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo Nguyễn Viết H đã tự nguyện gặp bị hại bồi thường đầy đủ số tiền chiếm đoạt được là 232.000.000 đồng, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Viết H.

[9] Các bị cáo Nguyễn Thanh T, Lê Đăng Đ, Nguyễn Thanh T, Đặng Tuấn Ngh, Nguyễn Tất Q, Trịnh Quang Đ1 đến cơ quan Công an đầu thú. Từ khi bị phát hiện, bắt giữ và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Thanh T, Lê Đăng Đ, Nguyễn Thanh T, Đặng Tuấn Ngh, Nguyễn Tất Q, Trịnh Quang Đ1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được áp dụng đối với các bị cáo Nguyễn Thanh T, Lê Đăng Đ, Nguyễn Thanh T, Đặng Tuấn Ngh, Nguyễn Tất Q, Trịnh Quang Đ1. Bị cáo Đặng Tuấn Ngh đã tham gia nghĩa vụ quân sự, có người thân tham gia kháng chiến, được tặng thưởng huân, huy chương. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được áp dụng đối với bị cáo Đặng Tuấn Ngh.

[10] Trong vụ án có hai nhóm thực hiện hành vi lừa đảo tiền của chị H4. Nhóm một gồm: Nguyễn Viết H, Nguyễn Thanh T trong đó Nguyễn Viết H có vai trò khởi xướng, chủ mưu, cầm đầu; nhóm 2 gồm: Lê Đăng Đ, Đặng Tuấn Ngh, Nguyễn Tất Q, Trịnh Quang Đ1 trong đó Lê Đăng Đ có vai trò khởi xướng, chủ mưu, cầm đầu. Lần phạm tội này của các bị cáo đều là lần đầu. Đánh giá vai trò của các bị cáo trong vụ án thì Nguyễn Viết H có vai trò cao nhất trong vụ án, lôi kéo bị cáo T, chủ động đi thuê nhà, hướng dẫn bị cáo T thực hiện hành vi lừa đảo, quản lý, sử dụng tiền chiếm đoạt được. Sau lần chiếm đoạt được 15.000.000 đồng đầu tiên thì H đã chuyển thông tin của chị H4 cho nhóm của Đ để tiếp tục thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị H4, đồng thời cùng với nhóm của Đ để lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị H4; bị cáo Lê Đăng Đ đứng đầu nhóm của Đ, Q, Đ1, Ngh, chủ động bàn bạc, lên mạng xã hội giả danh thành viên công ty xỏ số để lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị H4, là người chỉ đạo các bị cáo khác trong nhóm để quảng cáo, tạo tài khoản, quản lý tiền, phân công các bị cáo khác tạo các tài liệu để tạo lòng tin, đồng thời bị cáo cũng trực tiếp liên lạc, trực tiếp tư vấn cho bị hại để tạo lòng tin nên bị cáo giữ vai trò thứ hai trong vụ án; bị cáo Nguyễn Thanh T là người giúp sức cho bị cáo Nguyễn Viết H, thực hành tích cực, trực tiếp liên lạc, trao đổi để lừa đảo, là người rút tiền về đưa cho H nên giữ

vai trò thứ ba trong vụ án; các bị cáo Đặng Tuấn Ngh, Nguyễn Tất Q, Trịnh Quang Đ1 là những người tham gia tạo tài khoản, liên lạc, trao đổi với bị hại, được hưởng lợi, có vai trò đồng phạm ngang nhau, giúp sức nên có vai trò thứ tư trong vụ án. Xét thấy các bị cáo đều có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó: Bị cáo Nguyễn Viết H có ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo còn lại đều có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có thể xem xét hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Viết H ngang bằng với hình phạt đối với bị cáo Lê Đăng Đ và trên mức khởi điểm của khung hình phạt; hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thanh T ở mức khởi điểm của khung hình phạt và áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhưng trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật, mức hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù đối với các bị cáo Đặng Tuấn Ngh, Nguyễn Tất Q, Trịnh Quang Đ1.

- Về hình phạt bổ sung:

[11] Theo khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự, các bị cáo có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên xét thấy các bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định và không có thu nhập nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về bồi thường dân sự:

[12] Bị hại chị Nguyễn Thị H4 đã được bà Lê Thị Ngọc M là mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Viết H bồi thường đủ số tiền mà các bị cáo đã chiếm đoạt là 232.000.000 (*Hai trăm ba mươi hai triệu*) đồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[13] Bà Lê Thị Ngọc M là mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Viết H đã bỏ ra số tiền 232.000.000 (*Hai trăm ba mươi hai triệu*) đồng bồi thường hậu quả cho hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại phiên tòa, bà Lê Thị Ngọc M yêu cầu các bị cáo Lê Đăng Đ, Nguyễn Tất Q, Đặng Tuấn Ngh, Trịnh Quang Đ1 có trách nhiệm trả lại cho bà số tiền 40.000.000 đồng tương ứng với trách nhiệm phải chịu do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra; đối với số tiền 192.000.000 đồng bà M trả cho bị cáo H thì bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các bị cáo Lê Đăng Đ, Nguyễn Tất Q, Đặng Tuấn Ngh, Trịnh Quang Đ1 đồng ý mỗi bị cáo có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Ngọc M 10.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo Lê Đăng Đ, Nguyễn Tất Q, Đặng Tuấn Ngh, Trịnh Quang Đ1 về việc mỗi bị cáo có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Ngọc M 10.000.000 đồng. Đối

với số tiền 192.000.000 đồng bà M trả cho bị cáo H, bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về xử lý vật chứng:

[14] Cơ quan điều tra thu giữ gồm: 01 điện thoại Iphone X đã qua sử dụng, màu đen, IMEI: 354854097816229, gắn 01 simcard Viettel không rõ số điện thoại có seri 8984048000050059488; 01 điện thoại Iphone 7 đã qua sử dụng, màu đen, IMEI: 355335085113067, gắn 01 simcard Viettel không rõ số điện thoại có số seri 8984048000074762546; 01 điện thoại Iphone Xs đã qua sử dụng, màu trắng, IMEI: 356165093254952, gắn 01 simcard Vietnammobile không rõ số điện thoại có số seri 89840509181029843924; 01 điện thoại Iphone 6 đã qua sử dụng màu xám, IMEI: 358374069113915, không gắn simcard; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Pro đã qua sử dụng màu đen, IMEI: 353845102819951, gắn 01 simcard Viettel không rõ số điện thoại có số seri 8984048000075340373; 01 điện thoại 11 Pro max đã qua sử dụng, màu vàng, IMEI: 393917102907944, gắn 01 simcard Viettel không rõ số điện thoại có số seri 8984048000023115639; 02 cây máy tính để bàn vỏ màu đen có ghi chữ Orient, đã qua sử dụng; 01 Laptop nhãn hiệu Dell Latitude E7440 màu đen – xám, seri 5873597 đã qua sử dụng; 01 điện thoại Iphone 6s đã qua sử dụng màu xám, IMEI: 359484086491597, gắn 01 simcard Viettel không rõ số điện thoại có số seri 8984048000075202025; 01 điện thoại Nokia đã qua sử dụng, màu trắng, Model: TA-1034, IMEI 1: 354493096505838, IMEI 2: 354495091505838, gắn 01 simcard Itelecom không rõ số điện thoại có số seri 89840810008702217346; 01 điện thoại Iphone Xs max đã qua sử dụng, màu hồng, IMEI: 357260096477459, không gắn simcard; 06 simcard Vietnammobile mới chưa sử dụng có seri lần lượt là: 89840509181029844005, 89840509201214286786, 89840509201214288410, 89840509201214288345, 89840509201211679652, 89840509201214289632; 02 simcard Vinaphone seri lần lượt là 89840200011117412971 và 89840200011100388444; 01 simcard Viettel seri 8984048000058746987; 10 simcard các loại đã qua sử dụng có seri lần lượt là 89840509191036710289, 8984048000061249803, 8984048000069560175, 8984048000069936792, 8401190851363428WD, 8401190312395108WD, 89840200010856173430, 8984048000069936470, 8984048000050351479, 8401190824302149WD; 04 thẻ Ngân hàng (01 thẻ Ngân hàng ACB số 4221093551097579 mang tên Nguyen T Phuong Anh, 01 thẻ Ngân hàng ACB số 5370181016182767 mang tên Nguyen Duc Bach, 01 thẻ Ngân hàng MB số 9704222038740031 mang tên Cao Thi Thu Phuong, 01 thẻ Ngân hàng Agribank số 9704050863638339 mang tên Dang Huy Phuong); 01 USB 4G Mobiphone có số IMEI: 869594021784907 đã qua sử dụng; 01 USB 4G Mobifone có số IMEI 869594021784931 đã qua sử dụng; 01 máy in Brother HL-L2321D có seri E73793G8N504405, đã qua sử dụng; 01 sổ

NewCentury MC.CK8 bìa màu đen; 03 kit điện thoại nhà mạng Viettel (vỏ simcard); 03 simcard (01 Mobiphone có seri 8401190851363434WD, 01 Viettel có seri 8984048000069557621, 01 Viettel có seri 8984048000069936457); 01 thẻ Ngân hàng Techcombank số 9704078860258348; 01 thẻ Ngân hàng Techcombank số 4221498668799134; 01 thẻ Ngân hàng Sacombank số 9704032885688138, đều mang tên Nguyen Viet Hai; 01 thẻ Ngân hàng Techcombank số 9704079991469192 mang tên Pham Ngoc Linh; 01 thẻ Ngân hàng MB Bank số 4089041027462274 mang tên Cao Thi Thu Phuong.

[15] Theo kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng thì các điện thoại Cơ quan điều tra thu giữ của các bị cáo đều thể hiện có việc giao dịch có liên quan đến vụ án nên không chấp nhận yêu cầu của các bị cáo đề nghị trả lại điện thoại của mình mà tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước toàn bộ các điện thoại đang bị thu giữ theo quy định của pháp luật.

[16] Đối với các simcard mới chưa qua sử dụng; 02 cây máy tính để bàn vỏ màu đen có ghi chữ Orient, đã qua sử dụng; 01 máy in Brother HL-L2321D có seri E73793G8N504405, đã qua sử dụng: Đây là các công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội còn giá trị sử dụng nên tịch thu, sung vào Ngân sách Nhà nước.

[17] Đối với số tiền 17.070.000 đồng là do các bị cáo phạm tội mà có nên tịch thu, sung vào Ngân sách Nhà nước.

[18] Đối với các simcard đã qua sử dụng; các thẻ Ngân hàng (01 thẻ Ngân hàng ACB số 4221093551097579 mang tên Nguyen T Phuong Anh, 01 thẻ Ngân hàng ACB số 5370181016182767 mang tên Nguyen Duc Bach, 01 thẻ Ngân hàng MB số 9704222038740031 mang tên Cao Thi Thu Phuong, 01 thẻ Ngân hàng Agribank số 9704050863638339 mang tên Dang Huy Phuong, 01 thẻ Ngân hàng Techcombank số 9704079991469192 mang tên Pham Ngoc Linh, 01 thẻ Ngân hàng MB Bank số 4089041027462274 mang tên Cao Thi Thu Phuong); 01 sổ NewCentury MC.CK8 bìa màu đen; 03 kit điện thoại nhà mạng Viettel (vỏ simcard); 03 simcard (01 Mobiphone có seri 8401190851363434WD, 01 Viettel có seri 8984048000069557621, 01 Viettel có seri 8984048000069936457): Đây là các công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[19] Đối với 01 thẻ Ngân hàng Techcombank số 9704078860258348, 01 thẻ Ngân hàng Techcombank số 4221498668799134, 01 thẻ Ngân hàng Sacombank số 9704032885688138 đều mang tên Nguyen Viet Hai là tài sản của bị cáo Nguyễn Việt H, không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[20] Đối với 01 Laptop nhãn hiệu Dell Latitude E7440 màu đen – xám, seri 5873597 đã qua sử dụng là tài sản của bị cáo Nguyễn Tất Q, không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí:

[21] Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Về quyền kháng cáo:

[22] Các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 48, Điều 58, xử phạt Nguyễn Viết H 8 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 30 tháng 7 năm 2020.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Đăng Đ 8 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 18 tháng 7 năm 2020.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Thanh T 7 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 31 tháng 7 năm 2020.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Đặng Tuấn Ngh, Nguyễn Tất Q, Trịnh Quang Đ1 mỗi bị cáo 5 năm 6 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù của các bị cáo tính từ ngày 18 tháng 7 năm 2020.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc các bị cáo Lê Đăng Đ, Đặng Tuấn Ngh, Nguyễn Tất Q, Trịnh Quang Đ1 mỗi bị cáo phải trả cho bà Lê Thị Ngọc M số tiền 10.000.000 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Lê Thị Ngọc M có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng các bị cáo Lê Đăng Đ, Đặng Tuấn Ngh, Nguyễn Tất Q, Trịnh Quang Đ1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành theo mức lỗi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước:

+ 01 điện thoại Iphone X đã qua sử dụng, màu đen, IMEI: 354854097816229, gắn 01 simcard Viettel không rõ số điện thoại có seri 8984048000050059488.

+ 01 điện thoại Iphone 7 đã qua sử dụng, màu đen, IMEI: 355335085113067, gắn 01 simcard Viettel không rõ số điện thoại có số seri 8984048000074762546.

+ 01 điện thoại Iphone Xs đã qua sử dụng, màu trắng, IMEI: 356165093254952, gắn 01 simcard Vietnammobile không rõ số điện thoại có số seri 89840509181029843924.

+ 01 điện thoại Iphone 6 đã qua sử dụng màu xám, IMEI: 358374069113915, không gắn simcard.

+ 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Pro đã qua sử dụng màu đen, IMEI: 353845102819951, gắn 01 simcard Viettel không rõ số điện thoại có số seri 8984048000075340373.

+ 01 điện thoại 11 Pro max đã qua sử dụng, màu vàng, IMEI: 393917102907944, gắn 01 simcard Viettel không rõ số điện thoại có số seri 8984048000023115639.

+ 02 cây máy tính để bàn vỏ màu đen có ghi chữ Orient, đã qua sử dụng.

+ 01 điện thoại Iphone 6s đã qua sử dụng màu xám, IMEI: 359484086491597, gắn 01 simcard Viettel không rõ số điện thoại có số seri 8984048000075202025.

+ 01 điện thoại Nokia đã qua sử dụng, màu trắng, Model: TA-1034, IMEI 1: 354493096505838, IMEI 2: 354495091505838, gắn 01 simcard Itelecom không rõ số điện thoại có số seri 89840810008702217346.

+ 01 điện thoại Iphone Xs max đã qua sử dụng, màu hồng, IMEI: 357260096477459, không gắn simcard.

+ 06 simcard Vietnammobile mới chưa sử dụng có seri lần lượt là: 89840509181029844005, 89840509201214286786, 89840509201214288410, 89840509201214288345, 89840509201211679652, 89840509201214289632.

+ 02 simcard Vinaphone seri lần lượt là 89840200011117412971 và 89840200011100388444.

+ 01 simcard Viettel seri 8984048000058746987.

+ 01 máy in Brother HL-L2321D có seri E73793G8N504405, đã qua sử dụng.

+ Số tiền 17.070.000 (*Mười bảy triệu không trăm bảy mươi nghìn*) đồng.

- Tịch thu, tiêu hủy:

+ 10 simcard các loại đã qua sử dụng có seri lần lượt là 89840509191036710289, 8984048000061249803, 8984048000069560175, 8984048000069936792, 8401190851363428WD, 8401190312395108WD, 89840200010856173430, 8984048000069936470, 8984048000050351479, 8401190824302149WD.

+ 01 USB 4G Mobiphone có số IMEI: 869594021784907 đã qua sử dụng.

+ 01 USB 4G Mobifone có số IMEI 869594021784931 đã qua sử dụng.

+ 01 thẻ Ngân hàng ACB số 4221093551097579 mang tên Nguyen T Phuong Anh.

+ 01 thẻ Ngân hàng ACB số 5370181016182767 mang tên Nguyen Duc Bach.

+ 01 thẻ Ngân hàng MB số 9704222038740031 mang tên Cao Thi Thu Phuong.

+ 01 thẻ Ngân hàng Agribank số 9704050863638339 mang tên Dang Huy Phuong.

+ 01 thẻ Ngân hàng Techcombank số 9704079991469192 mang tên Pham Ngoc Linh.

+ 01 thẻ Ngân hàng MB Bank số 4089041027462274 mang tên Cao Thi Thu Phuong.

+ 01 sổ NewCentury MC.CK8 bìa màu đen.

+ 03 kit điện thoại nhà mạng Viettel (vỏ simcard).

+ 03 simcard (01 Mobiphone có seri 8401190851363434WD, 01 Viettel có seri 8984048000069557621, 01 Viettel có seri 8984048000069936457).

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Viết H: 01 thẻ Ngân hàng Techcombank số 9704078860258348, 01 thẻ Ngân hàng Techcombank số 4221498668799134, 01 thẻ Ngân hàng Sacombank số 9704032885688138 đều mang tên Nguyen Viet Hai.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Tất Q: 01 Laptop nhãn hiệu Dell Latitude E7440 màu đen – xám, seri 5873597, đã qua sử dụng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng có đặc điểm chi tiết theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25 tháng 02 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng và Ủy nhiệm chi lập ngày 03 tháng 3 năm 2021 đến số tài khoản: 3949.0. 1054385 tại Kho bạc Nhà nước thành phố Hải Phòng).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Lê Đăng Đ, Nguyễn Tất Q, Đặng Tuấn Ngh, Trịnh Quang Đ1, Nguyễn Viết H và Nguyễn Thanh T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

- Các bị cáo Lê Đăng Đ, Nguyễn Tất Q, Đặng Tuấn Ngh, Trịnh Quang Đ1, Nguyễn Viết H, Nguyễn Thanh T được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị hại vắng mặt tại phiên tòa (chị Nguyễn Thị H4) được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa (bà Lê Thị Ngọc M) được quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDCC; VKSNDCC;
- Vụ 1 – TANDTC;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- PV06 Công an TP. Hải Phòng;
- Cục THADS TP. Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Trại tạm giam CATP;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tuyến